

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/04/2020**

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+P2+BK9+RP1	7:25	4+9+9+0	0+0+0+0		2+3+10+7	0+0+0+0	chuyen 7 pax p2-rp1
2		P4+P8	9:25	3+18	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P5 - P2 - BK9 - RP1	CREW: Hôi - MTHAO - Huy	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC TỬ	P5	45	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	P5	68	1	11		88	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ TRƯỞNG GIANG	P5	69-70	2	11	67	60	DVL	Vietnamese
4	ĐAO VĂN THĂNG	P5	66-67	2	13		55	PSV	Vietnamese
5	LÊ TRUNG HIỆU	P2	63	1	10		97	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VĂN VIÊN	P2	61-62	2	17		83	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ TRỌNG VĂN	P2	68-69	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN TÙNG	P2	67	1	9		57	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VĂN THỊNH	P2	58	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC CHÍN	P2	64	1	10	11	68	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ HUY CHUÔNG	P2	59-60	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN SĨ HẢI	P2	70	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ XUÂN VIỆT	P2	66	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUYÊN	BK9	67	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN KHẮC SÁU	BK9	77	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HÙNG	BK9	59	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG THOÀ	BK9	68	1	16		69	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG KHẮC CƯỜNG	BK9	63	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
19	DƯƠNG SỸ CHIẾN	BK9	58	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ XUÂN LẬP	BK9	62	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG CHUNG	BK9	60-61	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SƠN	BK9	64-66	3	18		55	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	4	6	43	275	67	2		CHUYEN 7 PAX TU P2 SANG RP1
2	P2	9	12	113	621	11	3	47	
3	BK9	9	12	126	597	0	9		
4	RP1	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	30	282	1.493	78	22		
WEIGHT KG				282	1.493	78			

GRAND TOTAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 2	TO: P4 - P8	CREW: Hôi - MTHAO - Huy	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN TRI	P4	01	1	6		69	XAYLAP	Vietnamese
2	LE VAN TAN	P4	37	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC THINH	P4	38	1	11		77	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DIEP	P4	02	1	5		70	NIPI	Vietnamese
5	NGO ĐỨC THUAN	P8	82-83	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
6	LE DINH ĐO	P8	78-79	2	20		86	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN HUY ANH	P8	70-71	2	20		93	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM VAN LONG	P8	74-75	2	14		64	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM HONG PHUC	P8	72-73	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHUC	P8	76-77	2	16		57	XAYLAP	Vietnamese
11	LE DINH NINH	P8	60	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
12	LE VAN BAY	P8	80-81	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN CHIEN	P8	62	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
14	TRINH THANH GIANG	P8	69	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG HUY	P8	57	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN HUNG	P8	68	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
17	TRUONG MINH THANG	P8	67	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN BANG	P8	61	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LOI	P8	63-64	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN PHUC NGUYEN	P8	58-59	2	12		84	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN HUU SON	P8	56	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAM NGOC HOA	P8	65-66	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	4	4	31	276	0	0		
2	P8	18	28	272	1.215	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>32</b>	<b>303</b>	<b>1.491</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>303</b>	<b>1.491</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LĐ VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/04/2020**

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK6+P8-P4	7:25	19+3+0	0+0+0		16+0+4+1	0+0+0	P4 BENCH NHAN
2		BK16+BK4+TD2+TD1	7:25	4+2+8+1	0+0+0+0		2+0+2+8	0+0+0+0	CHUYEN 4 BK16-BK4
3		CTK3+BK14+CLO	9:25	13+0+8	0+0+0		10+0+7	0+0+0	CHUYEN 2 BK14-CLO

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD - BK6 - P8 - P4	CREW: HUNG - Duong - THU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TRUNG	PPD	16-17	2	17	60	66	TECMACH	Vietnamese
2	THAI VAN KHANH	PPD	09	1	5		65	TECMACH	Vietnamese
3	TRINH PHAM THANH	PPD	07	1	6		60	TECMACH	Vietnamese
4	DUONG THANH TUAN	PPD	08	1	8		76	TECMACH	Vietnamese
5	DAO MANH HUY	PPD	18-19	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN NGOC QUANG	PPD	25	1	2		70	PSV	Vietnamese
7	VU VAN TIEN	PPD	11	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC LINH	PPD	10	1	3		69	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NAM	PPD					58	PSV	Vietnamese
10	TRAN MINH THUAN	PPD	14-15	2	6		70	PSV	Vietnamese
11	HOANG VAN DOANH	PPD	22	1	2		69	PSV	Vietnamese
12	LE TIEN LOI	PPD	13	1	5		75	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN TEO	PPD	12	1	9		55	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN MINH GIAU	PPD	21	1	4		65	PSV	Vietnamese
15	TRAN DUC THUAN	PPD	06	1	11		78	PSV	Vietnamese
16	HOANG XUAN DONG	PPD	20	1	8		60	PSV	Vietnamese
17	PHAM THANH HUNG	PPD	24	1	4		65	PSV	Vietnamese
18	PHAM NGOC CUONG	PPD	23	1	5		66	PSV	Vietnamese
19	PHAM HUY DINH	PPD	26-27	2	15		59	T-TIN	Vietnamese
20	BUI DINH THU	BK6	29	1	14	35	70	XAY LAP	Vietnamese
21	TRAN MINH HOANG	BK6	31	1	10		74	XAY LAP	Vietnamese
22	LE HUY KHANH	BK6	20-21	2	20		60	XAY LAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	22	125	1.267	60	17		PPD tra canh P2
2	BK6	3	4	44	204	35	0		
3	P8	0	0	0	0	0	4		
4	P4	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	26	169	1.471	95	22		
WEIGHT KG				169	1.471	95			

GRAND TOTAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK16 - BK4 - TD2 - TD1	CREW: Hạnh - Linh - Luy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THE QUANG	BK16	30	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN TÂM	BK16	31	1	10	40	60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN AN NINH	BK16	29	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN DUY KHANH	BK16	27-28	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
5	KVAVTSON	BK4	47-48	2	18	30	75	DVL	Vietnamese
6	PHAM VAN DAM	BK4	49	1	8		72	DVL	Vietnamese
7	LUONG HUNG TRIET	TD2	53	1	16	100	70	KHOAN	Vietnamese
8	LE HUYNH TRUNG	TD2	56	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	BUI QUANG TUYNH	TD2	55	1	6	20	55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUU TRUNG	TD2	54	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VU QUOC	TD2	57	1	10		67	DVL	Vietnamese
12	DANG TRONG THUC	TD2	58	1	6		72	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN HUU VIET	TD2	59	1	10		72	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THUC	TD1	95	1	8		80	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	5	47	272	40	2	4	CHUYEN 04 PAX TU BK16 SANG BK4
2	BK4	2	3	26	147	30	0		
3	TD2	7	7	66	486	120	2		
4	TD1	1	1	8	80	0	6		
TOTAL		14	16	147	985	190	10		
WEIGHT KG				147	985	190			

GRAND TOAL: 1.322 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: CTK3 - BK14 - CLO	CREW: HUNG - Duong - THU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	CTK3	64	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LONG	CTK3	67	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG KHANH	CTK3	62	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	57	1	5	30	62	PSV	Vietnamese
5	LÊ ĐAM	CTK3	54	1	10		65	PSV	Vietnamese
6	VU NGỌC NAM	CTK3	58	1	10		80	PSV	Vietnamese
7	ĐỖ KHẮC ĐÀ	CTK3	55	1	7		65	PSV	Vietnamese
8	LÊ QUANG HÀ	CTK3	63	1	10		65	PSV	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC CẢNH	CTK3	56	1	5		50	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	53	1	7		63	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH TIẾN	CTK3	52	1	10		55	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	CTK3	59-61	3	17		65	PSV	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN PHÚC **	CTK3					65	SBAY	Vietnamese
14	NGUYỄN BA HÙNG	CLO	92	1	10		80	DVL	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN ĐÌNH	CLO	79	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HAI	CLO	88-89	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM DUY ĐEN	CLO	80-81	2	17	25	65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	CLO	82-83	2	18	40	80	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN CƯỜNG	CLO	86-87	2	18		56	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VAN NGOC	CLO	90-91	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NAM	CLO	84-85	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	14	108	875	30	10		
2	BK14	0	0	0	0	0	0	+2	CHUYEN 2 PAX BK14 SANG CLO
3	CLO	8	14	125	530	65	7		
TOTAL		21	28	233	1.405	95	17		
WEIGHT KG				233	1.405	95			

GRAND TOTAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/04/2020**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		TD3+P5+TD2+MRM	7:25	2+4+11+3	0+0+0+0		0+0+0+22	0+0+0+0	Chuyến 1 VD <sub>2</sub> -B <sub>3</sub>		

TTBDSX





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3 - P5 - TD2 - MRM	CREW: HUNG - KHOAN - Huy	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THAI VIET	TD3	82	1	10	50	66	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN ĐUNG	TD3	81	1	12		58	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN QUY	P5	78	1	8	52	78	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN TIET	P5	77	1	12	30	77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH HUNG	P5	74-75	2	11	10	70	NIPI	Vietnamese
6	PHAM NGOC TU	P5	76	1	6		60	NIPI	Vietnamese
7	THAI VIET DINH	TD2	79-80	2	16		68	KHOAN	Vietnamese
8	LUU DINH MINH	TD2	77-78	2	20		65	KHOAN	Vietnamese
9	BELAIEV	TD2	69	1	10		83	KH-THAC	Russian
10	NGUYEN QUOC KHOI	TD2	71	1	16		70	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI XUAN TRUONG	TD2	81	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
12	DO VAN HIEU	TD2	70	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TRUNG	TD2	76	1	18		73	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM THAI SON	TD2	75	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
15	DO VAN HUNG	TD2	74	1	8	16	60	NIPI	Vietnamese
16	DINH ANH DUNG	TD2	72	1	3		78	GETRACO	Vietnamese
17	DUONG VAN PHI	TD2	73	1	3		60	GETRACO	Vietnamese
18	MAI DAI HAI	MRM	34	1	10	15	68	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NGHE	MRM	36	1	8	15	72	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THANG	MRM	37	1	7		68	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	2	2	22	124	50	0	0	CHUYEN 1 PAX TD3 SANG P5
2	P5	4	5	37	285	92	0	0	
3	TD2	11	13	122	766	16	0	0	
4	MRM	3	3	25	208	30	23	23	
TOTAL		20	23	206	1.383	188	23		
WEIGHT KG				206	1.383	188			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN